

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/6/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Phạm Quang Nghĩa
 2. Bà Trần Thị Kim Tân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Xuân Lộc: không tham dự.

Ngày 27/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 276/2024/TLST–HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N - Sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Anh Phan Ngọc L - Sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2024 và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Phan Ngọc L tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, hay dẫn bạn bè về nhà ăn nhậu, đánh bài đôi khi còn đánh nhau làm cho chị và các con không được nghỉ ngơi. Khi chị góp ý thì anh L có nhiều hành vi mất kiểm soát về hành động cũng như lời nói dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh L không phụ chị trong việc chăm sóc các con, còn vu khống chị ăn cắp tiền của chồng, thường xuyên bêu xấu chị không biết nấu ăn khắp nơi. Năm 2020 chị đã đưa đơn ly hôn 1 lần nhưng sau đó tự nguyện rút đơn vì thời điểm đó chị mới sinh con được vài tháng nên mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nuôi dạy con cái.

Tuy nhiên, anh L không thay đổi tính tình, biểu hiện tính gia trưởng, luôn muốn chị làm tất cả mọi việc theo ý anh, chưa được sự đồng ý của anh thì không được làm bất cứ thứ gì. Từ khi chị đưa đơn ly hôn năm 2020 thì hàng tháng anh L mới phụ chị tiền nuôi con, còn trước đó không đưa. Chị góp ý nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên từ tháng 11/2023 vợ chồng đã không còn nói chuyện với nhau, anh L cũng không đưa

tiền cho chị để nuôi con nữa. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng là vào tháng 4/2024, khi thời tiết nắng nóng, chị có kêu thợ đến lắp điều hòa để các con sinh hoạt thuận tiện, anh L cho rằng chị có quan hệ bất chính nên mới cho người lạ vào phòng ngủ, dùng nhiều lời lẽ thô tục xúc phạm chị và người thợ lắp điều hòa rồi đuổi chị ra khỏi nhà. Chị dẫn theo 03 con thuê nhà trọ sinh sống. Mặc dầu biết nơi chị và các con thuê trọ nhưng anh L không đến hỏi han, chăm sóc con hoặc có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị ly hôn với anh L.

Vợ chồng có 03 con chung: Phan Nguyễn Hoàng H - sinh ngày 27/11/2013; Phan Nguyễn Hoàng A - sinh ngày 06/3/2016 và Phan Nguyễn Hoài T - sinh ngày 05/02/2020. Hiện cả ba cháu đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con vì thời gian qua anh L không chịu chu cấp cho con, chị có thể tự mình chăm lo cho các con nên người.

Tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại ấp V, xã X nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có.

Do làm công nhân, khó xin nghỉ phép nên chị đề nghị được vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

* Bị đơn là anh Phan Ngọc L trình bày:

Quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh thống nhất theo ý kiến của chị N. Anh có nợ riêng khoảng 2 – 3 người với tổng số tiền khoảng 70.000.000 đồng, hàng tháng vừa phải trả nợ gốc + lãi suất khoảng 9.000.000 đồng.

Chị N xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh nhận thấy bản thân anh không có lỗi, chị N là người có lỗi trong mâu thuẫn vợ chồng.

Anh xác định anh có nhậu nhẹt cùng bạn bè nhưng mâu thuẫn vợ chồng là do chị N hôn với anh, không chịu tuân theo ý kiến của anh, anh không thể nào quản chế được, chị N muốn làm gì thì làm mà không chịu thông qua ý kiến của anh, anh góp ý thì ăn nói hỗn nên vợ chồng có cãi nhau. Chị N không biết nấu ăn, anh góp ý thì không chịu nấu ăn, mua đồ ăn sẵn cho con, anh đi chợ mua thực phẩm về thì chị N cũng vẫn không chịu nấu. Hàng tháng anh đều đưa 5.000.000 đồng cho chị N để lo cho gia đình và con cái. Từ tháng 11/2023 vợ chồng đã ly thân, tuy sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên anh không đưa tiền cho chị N nữa vì xét thấy không cần thiết. Vào tháng 4/2024, anh sang nhà bạn nhậu, khi về thì thấy chị N tự động đưa người vào phòng ngủ để lắp máy lạnh trong khi không được sự đồng ý của anh nên anh mới kêu chị N bước ra khỏi nhà thì muốn làm gì thì làm chứ không đuổi. Sang ngày hôm sau khi anh đi làm về thì chị N tự ý dọn đồ và dẫn 03 con đi nơi khác thuê trọ mà chưa được sự đồng ý của anh. Anh thấy rằng chị N đi được thì tự về được nên không đến gặp chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên tùy Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N. Anh có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng. Chị N tự chứng minh được khả năng chăm sóc con chu đáo thì anh mới đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng. Trường hợp chị N được quyền nuôi dưỡng cả 03 con thì anh không cấp dưỡng. Tài sản chung của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và con chung với anh Phan Ngọc L. Anh L hiện đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại xã X. Như vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị N có nguyện vọng xin ly hôn, anh L không đồng ý vì cho rằng chị N là người có lỗi dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng.

Qua lời khai nhận của các bên cũng như các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị N và anh L là có thật. Chị N thừa nhận chị nấu ăn không ngon; anh L cũng thừa nhận anh có nhậu nhẹt, vợ chồng không hài lòng lẫn nhau dẫn đến cãi vã. Anh L dùng nhiều lời lẽ thiếu tế nhị để xúc phạm chị N. Vào năm 2020, chị N đã từng đưa đơn ly hôn nhưng do thời điểm đó chị mới vừa sinh con được vài tháng nên chị đã rút đơn với mong muốn vợ chồng có thể tự hòa giải, hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh L vẫn không thay đổi, vẫn nhậu nhẹt cùng bạn bè, không tạo điều kiện cho chị và con cái nghỉ ngơi, chị góp ý thì bị anh L xúc phạm, trong cuộc sống chung anh L còn biểu hiện tính gia trưởng, kiểm soát nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã nhau. Sự việc kéo dài mà không được giải quyết dứt điểm nên từ tháng 11/2023 đôi bên đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vào tháng 4/2024 trong mâu thuẫn về việc gắn máy điều hòa cho con, anh L đã dùng nhiều lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm chị N, yêu cầu chị N rời khỏi nhà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Anh L không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, không phụ chị N nuôi con vì cho rằng không cần thiết nên xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L đã rạn nứt nghiêm trọng, không có khả năng hàn gắn nên cần thiết phải cho anh chị ly hôn.

[5] Về con chung: cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung. Tuy nhiên cháu Hoàng H và cháu Hoàng A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Hoài T – sinh ngày 05/02/2020 nên chưa thể lấy lời khai để xem xét nguyện vọng của cháu.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình sống chung, anh L đều thừa nhận hàng tháng anh đưa cho chị N 5.000.000 đồng để lo cho gia đình và các con. Với số tiền này thì hầu như chi phí lo cho các con đều do một mình chị N gánh vác. Theo bảng lương tháng 6/2024 do anh Long cung c thể hiện anh có mức lương 15.246.000 đồng. Chị N cung cấp phiếu chi lương với mức lương là 6.987.500 đồng, đồng thời chị Đinh Thị T1 xác nhận có thuê chị N làm việc theo giờ để dọn vệ sinh nhà cửa với giá 30.000 đồng/giờ, hàng tuần chị trả cho chị N 690.000 đồng, 1 tháng trả cho chị N 2.760.000 đồng; chị Nguyễn Thị Tuyết N1 cũng thuê chị N dọn nhà cửa, hàng tuần trả 450.000 đồng, 1 tháng trả 1.800.000 đồng. Tổng thu nhập của chị N là 11.547.000 đồng. Xét về mức thu nhập thì chị N thấp hơn anh L, tuy nhiên anh L thừa nhận anh đang có 1 khoản nợ riêng, hàng tháng thanh toán cả nợ gốc và nợ lãi khoảng 9.000.000 đồng, anh chỉ còn lại 6.246.000 đồng để chi

phí cho sinh hoạt cá nhân phục vụ tái sản xuất sức lao động và trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, anh **L** không đưa bất cứ khoản tiền nào cho chị **N** để nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó anh còn thường xuyên nhậu nhẹt nên không thể nuôi dưỡng, chăm sóc con chu đáo. Vì vậy giao hết 03 con chung cho chị **N** nuôi dưỡng là phù hợp về mặt đạo đức, pháp luật cũng như tốt cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu.

[6] Về cấp dưỡng: do chị **N** không yêu cầu nên tạm thời anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: chị **N** và anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[8] Về nợ chung: theo anh chị là không có và cũng không có ai yêu cầu nên không xét.

[9] Về án phí: Chị **N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị **N** nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc thành án phí. Chị **N** đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Kim N** được ly hôn với anh **Phan Ngọc L**.

2. Về con chung: giao 03 cháu **Phan Nguyễn Hoàng H** - sinh ngày 27/11/2013; **Phan Nguyễn Hoàng A** - sinh ngày 06/3/2016 và **Phan Nguyễn Hoài T** - sinh ngày 05/02/2020 cho chị **Nguyễn Thị Kim N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tạm thời anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết, chị **N** và anh **L** được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: theo anh chị không có và cũng không có ai yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **N** nộp 300.000 đồng án phí LHST. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số 0010978 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai thành án phí. Chị **N** đã nộp đủ án phí.

Báo cho anh **L** biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng chị **N** thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- UBND xã Hố Nai 3 (07/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng